

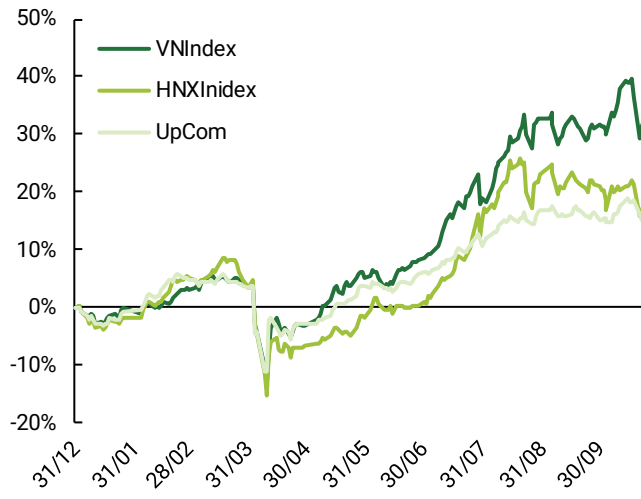
VN-Index **1678.5 (0.91%)**
 1042 Tr. cổ phiếu 32294.6 Tỷ VND (-34.14%)

HNX-Index **268.69 (1.53%)**
 128 Tr. cổ phiếu 2856.0 Tỷ VND (-22.58%)

UPCOM-Index **109.82 (0.33%)**
 34 Tr. cổ phiếu 514.4 Tỷ VND (-34.53%)

VN30F1M **1926.00 (1.36%)**
 402,158 HD OI: 35,359 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1678.5, tăng 15.1 điểm (+0.91%). Thanh khoản giảm với độ rộng cải thiện về phía mua. Phản ứng khởi sắc cũng diễn ra ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với thị trường dù trong phiên áp lực bán có lúc đẩy các nhóm ngành, cổ phiếu chìm trong sắc đỏ. Dù vậy, dòng tiền vẫn cho thấy sự phân hóa khi mức phục hồi chưa đồng bộ.
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: OCB (+2.4%), LPB (+1.8%), CTG (+1.1%) | Bất động sản: TCH (+4.9%), PDR (+4.1%), HDC (+3.1%) | Thực phẩm và đồ uống: HAG (+3.6%), VHC (+3.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTO (+2.2%), TV2 (+3.4%), PAC (+6.5%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: NT2 (+6.6%), GAS (+5.4%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Du lịch và Giải trí: DAH (-0.3%), SCS (-0.2%), HVN (-0.1%)
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VPL, VHM, GAS, FPT - Chiều giảm | TCX, SHB, VIC, CRV
 Khối ngoại trở lại Bán ròng hơn 1600 tỷ đồng, tập trung nhiều ở CTG, HPG, VCI, trong khi mua ròng FPT, TCX, VRE.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** lần nữa bật tăng khi tiếp cận khu vực hỗ trợ cận vùng 1600 - 1620 điểm. Dù vậy, thanh khoản ở mức thấp cho thấy chiều mua lên chưa thuyết phục. Nhìn chung chỉ số vẫn ở trạng thái củng cố trong khung dao động 1620 - 1690 điểm (vùng giá đã được tích lũy trước đó). **Vận động có thể tiếp tục phục hồi kỹ thuật về biên trên quanh ngưỡng 1690 - 1700 điểm, nhưng khả năng trở lại giằng co và hạ nhiệt tại đây.** Một số cổ phiếu phân hóa bắt đầu xuất hiện khi mùa báo cáo KQKD Quý 3 đang diễn ra sôi động là điểm sáng cần chú ý.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng đón nhận lực mua nhưng thanh khoản chưa thuyết phục. Vận động có thể gặp trở ngại khi tiếp cận khu vực cản trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 270 – 274.
- **Chiến lược chung:** Sau khi đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn, các vị thế còn lại nghiêng về nắm giữ. Theo dõi thêm phản ứng của thị trường trong quá trình tìm vùng cân bằng. Hạn chế việc mua đuổi hoặc bình quân giá xuống trước các dấu hiệu bật tăng hoặc dừng rơi chưa rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua PNJ (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,678.5 ▬	0.9%	-4.5%	2.7%	32,294.6 ▾	-34.1%	-15.0%	-9.9%	1,042.2 ▾	-37.8%	-12.3%	-14.3%
HNX-Index	268.7 ▲	1.5%	-2.7%	-2.0%	2,856.0 ▾	-22.6%	16.6%	14.0%	127.5 ▾	-22.1%	32.4%	13.5%
UPCOM-Index	109.8 ▬	0.3%	-2.2%	-0.3%	514.4 ▾	-34.5%	-35.9%	-28.6%	33.8 ▾	-28.7%	-20.8%	-26.7%
VN30	1,930.9 ▬	0.8%	-3.9%	6.1%	19,077.6 ▾	-26.7%	-8.4%	-2.2%	444.4 ▾	-36.6%	-22.6%	-14.0%
VNMID	2,397.2 ▬	1.0%	-5.3%	-2.9%	10,391.7 ▾	-44.9%	-29.3%	-21.0%	378.1 ▾	-43.4%	-18.3%	-23.9%
VNSML	1,514.7 ▬	0.9%	-2.9%	-4.8%	1,282.7 ▾	-41.9%	-32.0%	-41.7%	95.7 ▾	-37.8%	-20.3%	-33.0%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	645.6 ▬	0.4%	-6.16%	-2.1%	7,536.3 ▾	-36.6%	-35.4%	-20.1%	296.1 ▾	-36.2%	-32.4%	-17.0%
Bất động sản	646.7 ▬	0.6%	-6.5%	16.5%	8,717.0 ▲	2.1%	-3.6%	28.7%	256.1 ▾	-22.0%	-17.3%	12.5%
Dịch vụ tài chính	350.9 ▾	-0.3%	-6.7%	-3.8%	4,512.7 ▾	-53.2%	-29.6%	-10.6%	149.0 ▾	-51.0%	-25.2%	-7.7%
Công nghiệp	284.3 ▬	0.5%	3.0%	10.3%	1,522.7 ▾	-52.7%	-52.8%	-25.1%	31.2 ▾	-51.9%	-48.0%	-29.3%
Tài nguyên cơ bản	528.6 ▾	-0.2%	-5.2%	-8.6%	1,326.0 ▾	-49.6%	-41.4%	-35.1%	58.2 ▾	-49.1%	-38.6%	-30.2%
Xây dựng - Vật Liệu	193.5 ▲	1.2%	-3.3%	-5.3%	1,793.3 ▾	-43.1%	-29.9%	-13.9%	73.8 ▾	-40.9%	-25.3%	-14.4%
Thực phẩm	536.2 ▬	0.6%	-4.6%	-4.1%	1,935.8 ▾	-43.1%	-49.7%	-15.3%	45.1 ▾	-34.5%	-36.2%	-15.3%
Bán Lẻ	1,529.5 ▲	2.2%	-1.9%	4.4%	913.5 ▾	-35.9%	-19.3%	-3.7%	11.4 ▾	-40.7%	-26.3%	-13.0%
Công nghệ	513.8 ▲	3.9%	0.7%	-9.4%	1,910.2 ▾	-5.3%	40.7%	69.5%	22.7 ▾	-5.0%	28.2%	60.6%
Hóa chất	161.2 ▲	3.0%	-6.8%	-9.8%	512.5 ▾	-23.4%	-15.6%	6.4%	14.1 ▾	-36.3%	-31.2%	-10.7%
Tiện ích	634.4 ▲	2.9%	-5.1%	-8.1%	216.3 ▾	-29.7%	-58.5%	-35.8%	10.0 ▾	-36.8%	-53.9%	-34.9%
Dầu khí	74.8 ▲	3.2%	-4.3%	-1.9%	295.2 ▾	-24.7%	-31.1%	-27.1%	11.3 ▾	-30.1%	-32.8%	-27.2%
Dược phẩm	428.1 ▲	1.9%	-1.6%	-2.6%	57.3 ▾	-13.9%	7.3%	-13.8%	2.5 ▾	-24.0%	-5.6%	-19.2%
Bảo hiểm	83.1 ▲	1.1%	-5.4%	-12.9%	25.4 ▾	-30.1%	-36.5%	-29.8%	1.2 ▬	0.6%	-7.9%	0.4%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,678.5	0.9%	32.5%	16.0x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,302	0.9%	-7.0%	16.4x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,153	-1.0%	15.2%	20.3x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,000	-0.7%	-4.7%	16.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,031	-1.0%	-7.6%	10.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,914	-0.1%	16.8%	19.3x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,782	-0.9%	28.5%	12.8x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	49,308	-0.02%	23.6%	22.0x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,735	0.00%	14.5%	28.0x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	46,925	0.5%	10.3%	23.3x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,505	0.8%	16.3%	14.3x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,682	-0.09%	16.1%	17.5x	2.4x
DXY		99	0.51%	-8.7%		
USDVND		26,347	0.015%	3.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

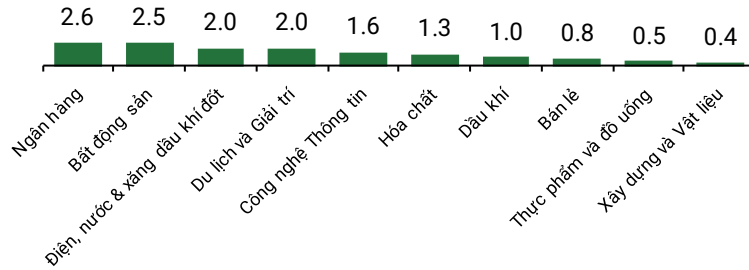
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.3%	-6.7%	-16.7%	-18.3%
Dầu WTI	▬	0.9%	-7.3%	-19.0%	-19.5%
Khí gas	▲	1.7%	23.2%	-4.9%	49.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	-10.6%	-22.6%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-4.1%	-4.9%	-5.5%
PVC (*)	▬	0.0%	-0.1%	-5.3%	-13.0%
Phân Urea (*)	▬	0.5%	-21.9%	7.1%	6.1%
Cao su thiên nhiên	▲	1.5%	0.4%	-12.6%	-12.8%
Bông Cotton	▬	0.4%	0.2%	-5.8%	-10.6%
Đường	▼	-2.5%	0.5%	-20.4%	-29.5%
World Container Index	▲	2.2%	-11.8%	-55.6%	-47.5%
Baltic Dirty tanker Index	▲	6.6%	9.6%	33.3%	17.3%
Vàng	▼	-6.7%	8.5%	54.8%	47.8%
Bạc	▼	-7.5%	10.1%	67.9%	39.2%

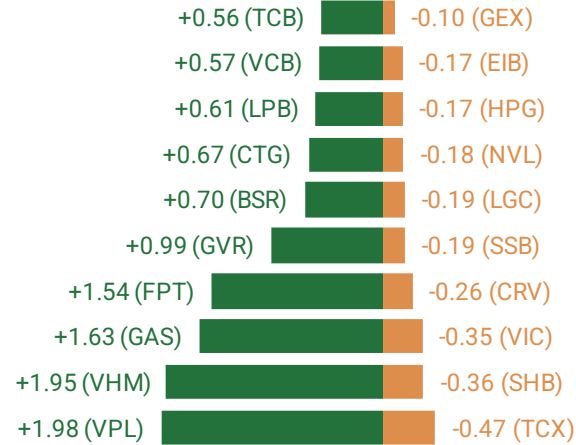
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

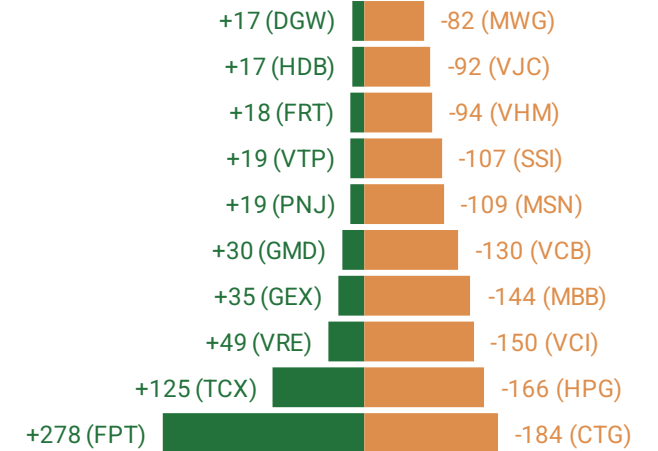
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



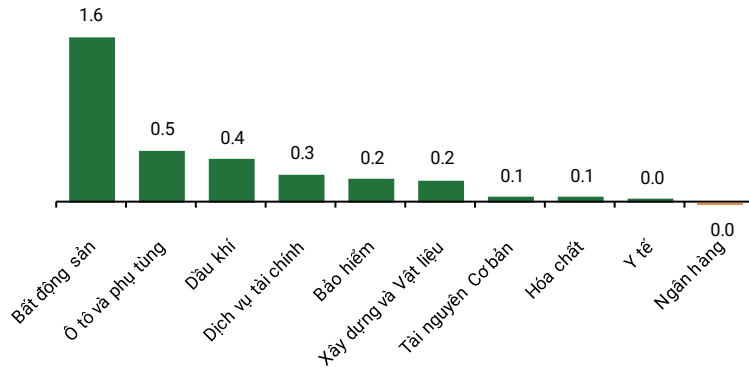
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



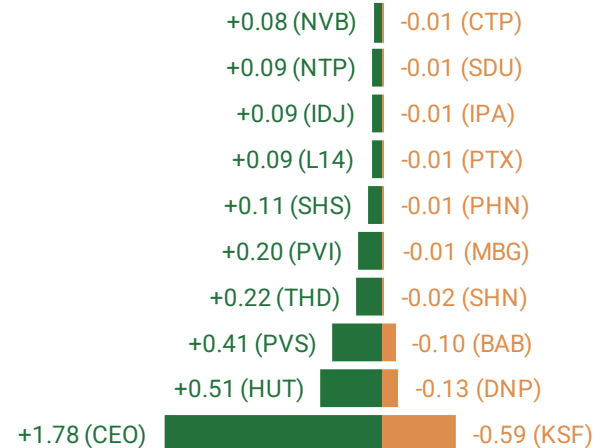
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



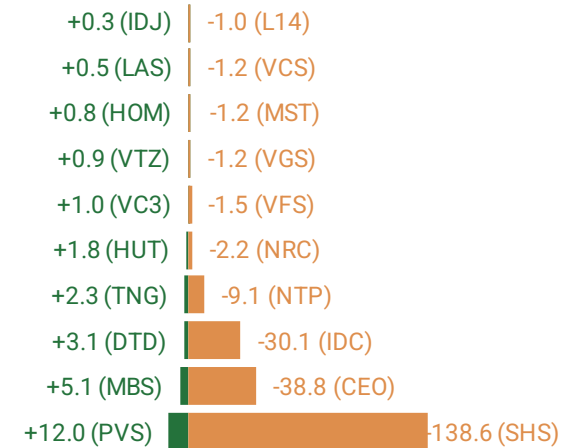
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



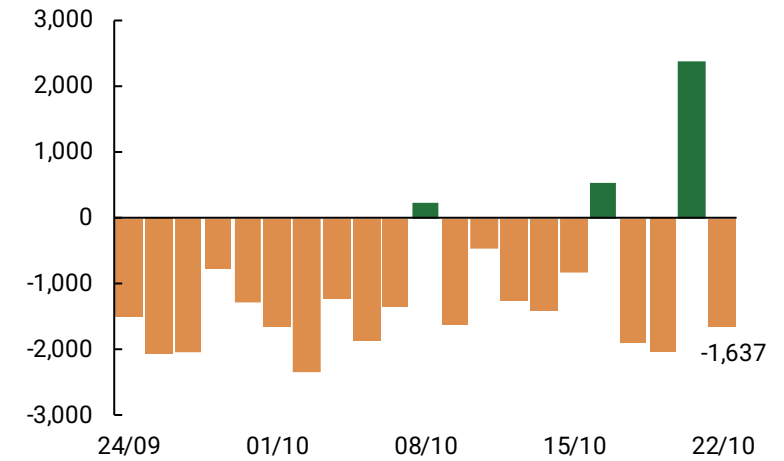
	FPT	SHB	SSI	VIX	MSN
%DoD	4.3%	-2.1%	-0.4%	0.3%	1.3%
Giá trị	1,778	1,362	1,246	1,189	1,095

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	SSB	TCB	HDB	SBT
%DoD	-0.2%	-1.6%	0.9%	0.5%	1.0%
Giá trị	2,430	593	309	206	120

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



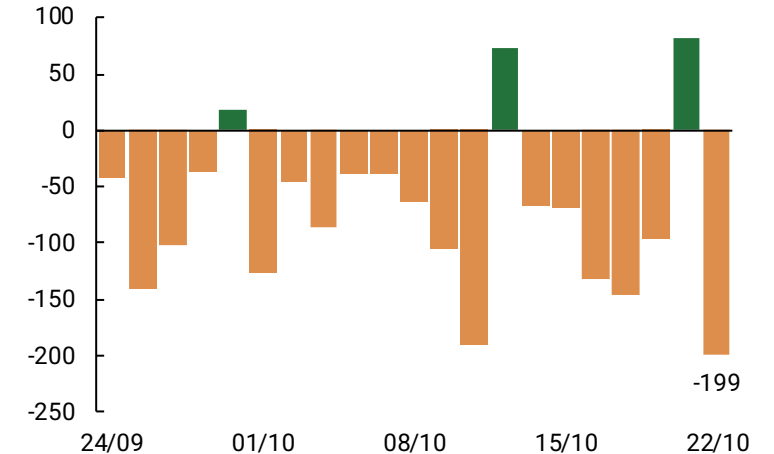
	CEO	SHS	MBS	PVS	IDC
%DoD	9.8%	0.4%	1.0%	4.5%	0.0%
Giá trị	1,115	668	121	112	68

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	DNP	PGN	PPT	NAG
%DoD	6.0%	-5.0%	-1.7%	0.7%	0.8%
Giá trị	175	166	3	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Doji chuẩn chuẩn, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 – 1620.
- ✓ Kháng cự: 1670 – 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

Kịch bản: Chỉ số lần nữa kiểm định tốt vùng hỗ trợ cận khu vực 1620 với phản ứng bật tăng, tuy nhiên thanh khoản ở mức thấp cho thấy chiều mua lên chưa thuyết phục. Vận động khả năng vẫn ở trạng thái củng cố nền giá trong khung dao động 1620 – 1690 (vùng giá đã được tích lũy trước đó). **Giao dịch có thể trở lại giằng co khi tiếp cận vùng cản ở biên trên, quanh ngưỡng 1690 – 1700 điểm.**



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji chuẩn chuẩn, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 1950 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1850 - 1950.

➔ Chỉ số kiểm định tốt khu vực quanh đỉnh cũ 1900 điểm với phản ứng bật tăng. Dù vậy, thanh khoản chưa thật sự thuyết phục để xác nhận. Vận động tiếp tục rung lắc để củng cố thêm nền giá. **Kháng cự gần quanh ngưỡng 1950 – 1960 có thể làm chậm lại đà phục hồi.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	PNJ	BUY	Current price		87.7	P/E (x)	14.3	
Exchange	HOSE		Action price	23/10	87.7	P/B (x)	2.4	
Sector	Personal Products		Target price		96	9.5%	EPS	6115.1
			Cut loss		82.5	-5.9%	ROE	18.1%
						Stock Rating	BB	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

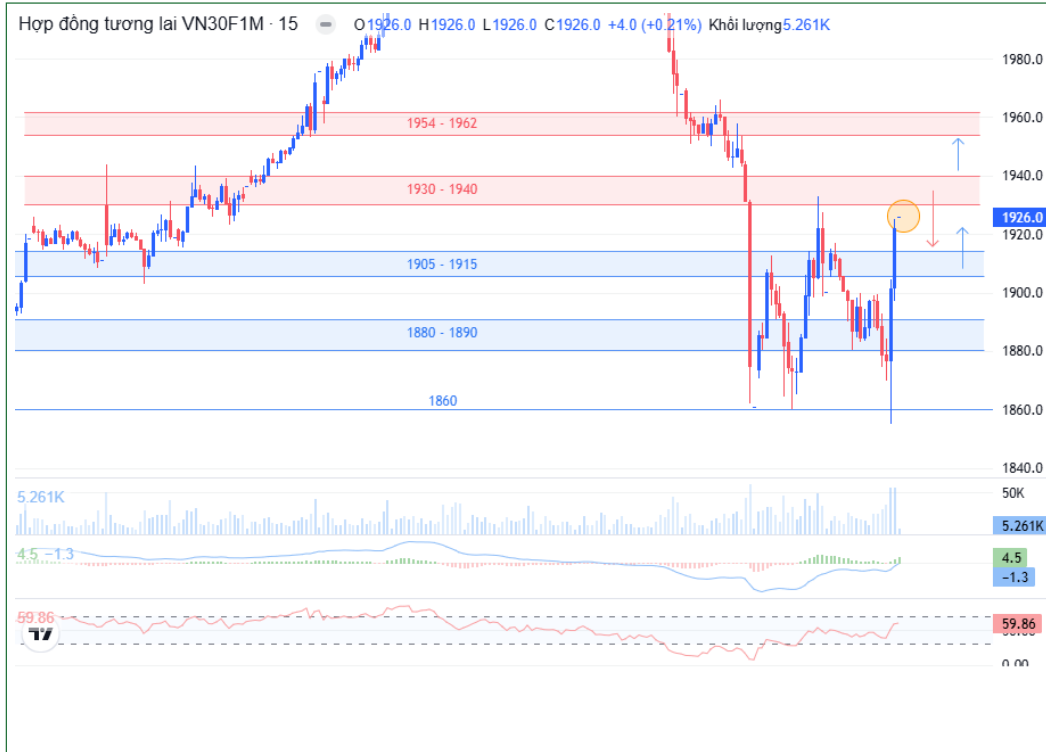
- Giá điều chỉnh về khu vực tích lũy quanh 84 – 88.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và trở lại miền dương, trong khi RSI cũng tăng trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
 - Khu vực 82 đóng vai trò hỗ trợ mạnh cho xu hướng
- ➔ Xu hướng tăng kỳ vọng trở lại.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	PNJ	Mua	23/10/2025	87.7	87.7	0.0%	96.0	9.5%	82.5	-5.9%	Kiểm định tốt hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	VNM	Mua	09/10/2025	-	56.30	60.5	-6.9%	67.0	10.7%	57.0	-5.8%	16/10 Cổ tức tiền 28.5%
2	NTP	Mua	17/10/2025	-	66.10	65.1	1.5%	72.0	10.6%	61.0	-6.3%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1926, tăng 25.8 điểm (+1.4%). Thanh khoản giảm với độ lệch basis 4.8 điểm (thấp hơn VN30 cơ sở). Khối ngoại Bán ròng 771 HĐ, tương ứng hơn 135 tỷ đồng. Vận động trong phiên biến động mạnh theo cả hai chiều. Giá có lúc giảm về dưới ngưỡng 1960 nhưng lực cầu mạnh mẽ khi gần kết phiên đã giúp hợp đồng kết phiên khởi sắc.
- **Ở đồ thị 15p**, giá cũng đang tiếp cận kháng cự trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 1930 – 1940 nên có thể hạ nhiệt để củng cố lại đà. Vị thế Short cân nhắc khi vận động suy yếu tại cản. Chiều Long có thể chờ ở vùng hỗ trợ quanh 1910 – 1915 hoặc nếu giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1940. Lưu ý giá khả năng biến động mạnh trong phiên.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1843.5, tăng 17.5 điểm (+1.0%). Độ lệch basis 3.6 điểm và thấp hơn VN100 cơ sở. Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 224 HĐ.

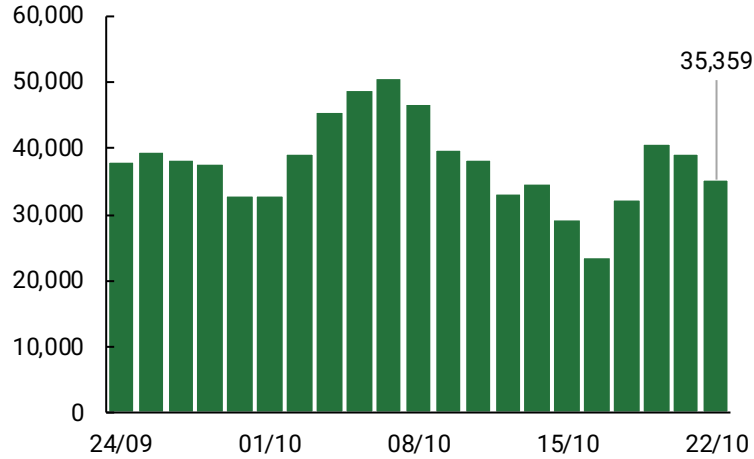
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 1.932	1.916	1.939	16 : 7
Long	> 1.940	1.955	1.932	15 : 8
Long	1.915	1.930	1.907	15 : 8

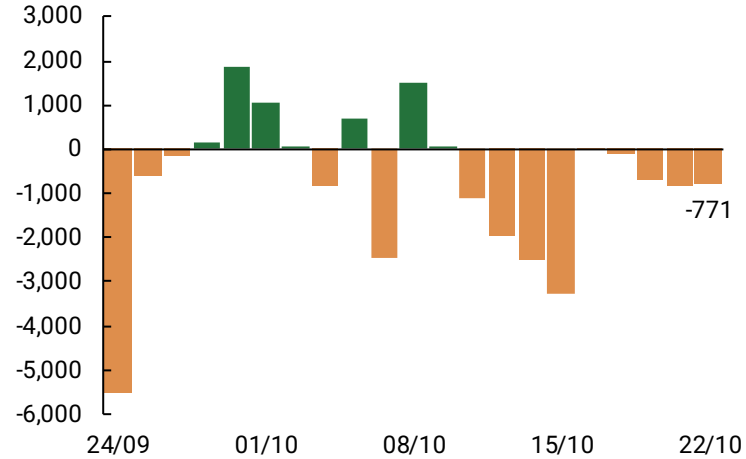
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G6000	1,910.0	11.5	107	80	1,943.6	-33.6	18/06/2026	239
4111G3000	1,904.9	24.4	574	262	1,938.7	-33.8	19/03/2026	148
VN30F2512	1,920.4	25.4	1,151	2,007	1,933.9	-13.5	18/12/2025	57
4111FB000	1,926.0	25.8	402,158	35,359	1,932.4	-6.4	20/11/2025	29
4112FB000	1,843.5	17.5	224	133	1,848.6	-5.1	20/11/2025	29

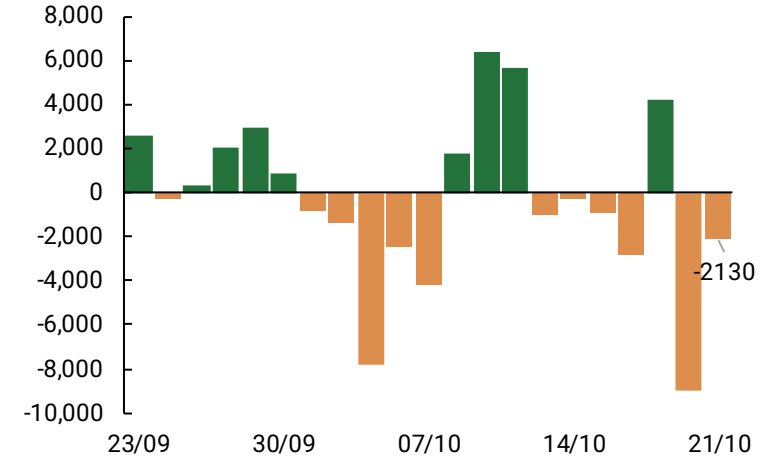
Khối lượng mở (Open interest)



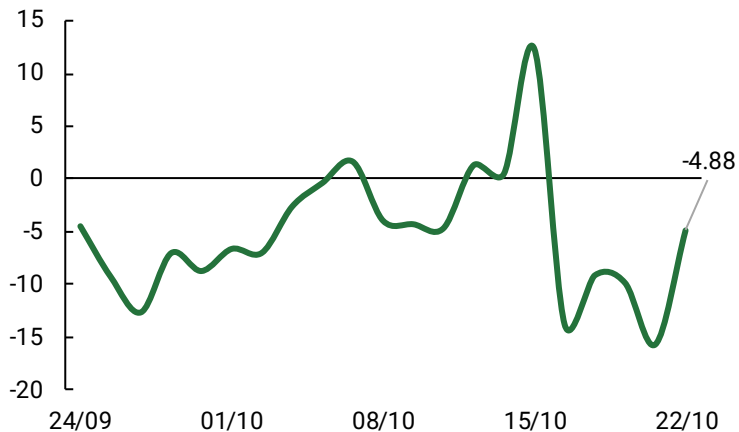
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



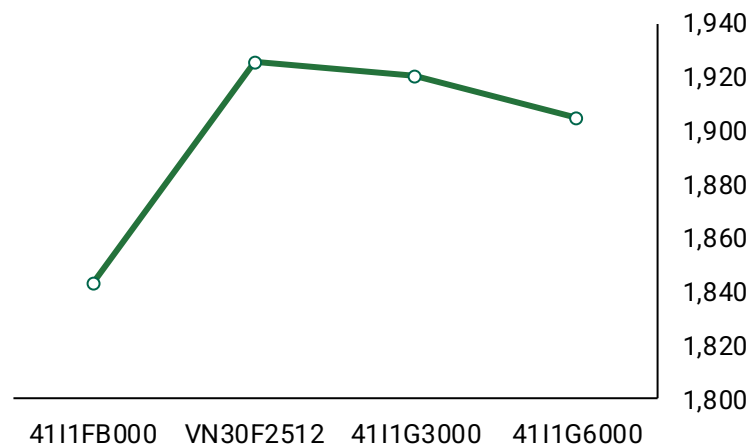
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



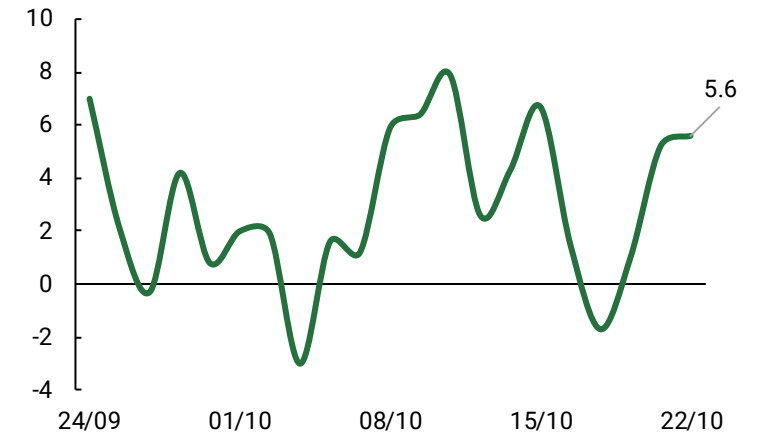
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	74,200	65,400	-11.9%	Bán
BCM	65,000	74,500	14.6%	Tăng tỷ trọng
CTD	85,100	92,400	8.6%	Nắm giữ
CTI	24,000	27,200	13.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,400	68,000	27.3%	Mua
DDV	35,641	35,500	-0.4%	Giảm tỷ trọng
DGC	91,000	102,300	12.4%	Tăng tỷ trọng
DGW	39,000	48,000	23.1%	Mua
DPR	36,100	41,500	15.0%	Tăng tỷ trọng
DRI	10,615	18,000	69.6%	Mua
EVF	13,000	14,400	10.8%	Tăng tỷ trọng
FRT	144,400	135,800	-6.0%	Giảm tỷ trọng
GMD	67,000	72,700	8.5%	Nắm giữ
HAH	55,000	67,600	22.9%	Mua
HDG	31,750	33,800	6.5%	Nắm giữ
HHV	14,800	12,600	-14.9%	Bán
HPG	26,700	30,900	15.7%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	49,750	55,000	10.6%	Tăng tỷ trọng
MBB	25,450	22,700	-10.8%	Bán
MSH	33,950	47,100	38.7%	Mua
MWG	84,500	92,500	9.5%	Nắm giữ
NLG	37,500	39,950	6.5%	Nắm giữ
PHR	50,600	72,800	43.9%	Mua
PNJ	87,700	95,400	8.8%	Nắm giữ
PVT	17,250	18,900	9.6%	Nắm giữ
SAB	44,800	59,900	33.7%	Mua
TLG	52,500	59,700	13.7%	Tăng tỷ trọng
TCB	38,000	35,650	-6.2%	Giảm tỷ trọng
TCM	28,000	38,400	37.1%	Mua
TRC	70,500	94,500	37.8%	Mua
VCG	26,000	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	55,600	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	56,300	66,650	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	24,000	17,900	-39.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/10 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/10 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 06/10 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng
- 07/10 Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
- 15/10 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 16/10 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
- 20/10 Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond
Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 30/10 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
EU - ECB công bố lãi suất
Nhật Bản - BoJ công bố lãi suất
- 31/10 Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP
Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN Khu vực 2 cảnh báo rủi ro trong hoạt động cho vay: Ngân hàng Nhà nước Khu vực 2 (TP.HCM và Đồng Nai) vừa cảnh báo các ngân hàng thương mại về rủi ro pháp lý và tín dụng trong hoạt động cho vay liên quan đến khoản đặt cọc mua bất động sản thông qua “văn bản thỏa thuận” với đơn vị môi giới. NHNN KV2 yêu cầu tạm dừng cho vay theo hình thức trên cho đến khi có hướng dẫn cụ thể, nhằm hạn chế tranh chấp và kiểm soát rủi ro tín dụng.

Giải ngân vốn đầu tư công dự kiến đạt hơn 54% kế hoạch năm: Tới hết tháng 10/2025, giá trị giải ngân của Bộ Xây dựng ước đạt 43,531 tỷ đồng, gồm khoảng 41,488 tỷ đồng các dự án do chủ đầu tư thuộc Bộ giải ngân và khoảng 2,043 tỷ đồng các dự án do chủ đầu tư thuộc địa phương quản lý giải ngân. Con số này xấp xỉ 50% so với kế hoạch giao đầu năm (87.794 tỷ đồng) và đạt hơn 54% so với kế hoạch sau điều chỉnh. Dù tiến độ được cải thiện nhưng vẫn chịu áp lực lớn từ vướng mắc mặt bằng và điều kiện thi công.

Giá vàng giảm mạnh: Giá vàng trong nước giảm mạnh khi vàng thế giới mất hơn 5% trong phiên ngày thứ Ba (21/10) - mức giảm mạnh nhất trong vòng 5 năm trở lại đây do áp lực chốt lời sau đợt tăng mạnh mẽ kéo dài nhiều phiên gần đây. Vàng miếng SJC hiện niêm yết sáng ngày 22/10 ở mức 146,5 - 148,5 (mua vào - bán ra).

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

NVL - Vợ Chủ tịch Novaland muốn bán hơn 17 triệu cổ phiếu NVL: Bà Cao Thị Ngọc Sương, vợ Chủ tịch Novaland, đăng ký bán hơn 17 triệu cổ phiếu NVL từ 28/10 đến 26/11, giảm tỷ lệ sở hữu từ 2,47% xuống 1,62%. Trước đó, CTCP Diamond Properties cũng đăng ký bán 2,15 triệu cổ phiếu. Cổ phiếu NVL giảm mạnh gần đây, phần lớn do Kết luận Thanh tra Chính phủ về trái phiếu doanh nghiệp nêu Novaland vi phạm quy định về hồ sơ phát hành, sử dụng vốn sai mục đích và công bố thông tin không đầy đủ. Novaland đã gửi văn bản giải trình.

HT1 - Xi măng Hà Tiên báo lãi tăng trưởng 331% trong 9 tháng đầu năm: Quý III/2025, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 85,8 tỷ đồng, tăng 278% nhờ doanh thu tăng 10% và kiểm soát giá vốn. Doanh thu tài chính tăng 124%, chi phí tài chính giảm 28%. Lũy kế 9 tháng, doanh thu 5,384.2 tỷ đồng, lãi sau thuế 188.9 tỷ, lần lượt tăng 7% và 331%. HT1 hoàn thành 75% mục tiêu doanh thu và vượt 3% mục tiêu lợi nhuận năm.

NT2 - Nhon Trạch 2 lãi 577,4 tỷ đồng 9 tháng, gấp gần 70 lần cùng kỳ: Công ty báo lãi sau thuế 9 tháng đạt 577,4 tỷ đồng, tăng gần 70 lần cùng kỳ nhờ lợi nhuận gộp tăng 243,4% quý III, doanh thu điện tăng 12,6%, chi phí quản lý giảm 24,3 tỷ đồng và lãi tài chính tăng gần 18 tỷ đồng. Doanh thu thuần 5,426.2 tỷ đồng, hoàn thành 66% kế hoạch doanh thu và vượt 207% kế hoạch lợi nhuận năm 2025. Tổng tài sản giảm 4,3% còn 8,323.7 tỷ đồng; tiền mặt giảm 92%, đầu tư ngắn hạn tăng 54%. Tổng nợ giảm 15,3%, trong đó nợ vay tăng 30%.

TCB - Lợi nhuận 9 tháng đầu năm Techcombank đạt 23,4 nghìn tỷ: Ngân hàng báo lãi trước thuế 9 tháng đạt 23,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% cùng kỳ, thu nhập hoạt động tăng 3,1%. Tín dụng cá nhân và doanh nghiệp lần lượt tăng 20,2% và 16,2%. NIM ổn định 3,8%. Thu phí dịch vụ tăng mạnh, chi phí dự phòng giảm 9,1%, nợ xấu giảm còn 1,23%. Tổng tài sản đạt 1,13 triệu tỷ đồng, CASA dẫn đầu ngành với 42,5%.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415